

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kỹ thuật xây dựng

Khóa đào tạo: 2025

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5420/QĐ-ĐHĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tin Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			30						
I. Ngoại ngữ (*)				Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHDT, ngày 25/9/2025					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					3
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		3
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		3
IV. Giáo dục thể chất (*)			3						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			16						
14	CO4450	Nhập môn nghề nghiệp	1	5	20				1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		4
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			134						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			9						
1.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành bắt buộc			7						
22	CO7000T	Toán cao cấp	3	45					1
23	CO7002	Vật lý 1	2	30					2
24	CO7103	Hóa đại cương	2	24	12				4
1.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành tự chọn			2						
25	CO7005	Xác suất thống kê	2	30					6
26	CO7106	Vật lý 2	2	30					6
II. Kiến thức cơ sở ngành			38						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			34						
27	CO7001T	Hình học họa hình - Vẽ Kỹ thuật	3	15	60				3
28	CO7003	Cơ lý thuyết	3	45					1
29	CO7004T	Sức bền vật liệu	3	45			CO7003		2
30	CO7006	Cơ học kết cấu 1	2	30			CO7004T		3
31	CO7007	Cơ học kết cấu 2	3	30	30		CO7006		4
32	CO7008	Vật liệu xây dựng	3	45					5
33	CO7009	Địa chất công trình	2	30					2
34	CO7010	Cơ học đất	3	45			CO7009		3
35	CO7011	Thí nghiệm cơ học đất	2		60		CO7010		4
36	CO7012	Cấu tạo kiến trúc	2	15	30		CO7001T		6
37	CO7013	Máy xây dựng	2	30			CO7003		7
38	CO7014	Thực tập địa chất công trình	2	10	40		CO7009		3
39	CO7015	Thí nghiệm vật liệu	2	10	40		CO7008		6
40	CO7017	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30					5
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			4						
41	CO7016	Địa chất thủy văn	2	30					8
42	CO7018	Môi trường trong xây dựng	2	30					8
43	CO7021	Điện kỹ thuật	2	30					8
44	CO7022	Cấp thoát nước	2	30					8

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
III. Kiến thức chuyên ngành			62						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			50						
45	C07024	Kết cấu bê tông cốt thép 1	3	45			C07004T C07006		5
46	C07025	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 1	2	10	40		C07024		6
47	C07026	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	30			C07004T C07007 C07024		6
48	C07027	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 2	2	10	40		C07026		7
49	C07028	Kết cấu thép 1	3	45			C07004T C07006		6
50	C07029	Kết cấu thép 2	2	30			C07004T C07006 C07028		7
51	C07030	Đồ án kết cấu thép	2	10	40		C07029		8
52	C07031	Trắc địa	3	45					4
53	C07032	Thực tập trắc địa	2	10	40		C07031		5
54	C07033	Nền móng	3	45			C07010		7
55	C07034	Đồ án Nền móng	2	10	40		C07033		8
56	C07035	Kỹ thuật thi công 1	3	45			C07033 C07031 C07013 C07024		7
57	C07036	Kỹ thuật thi công 2	2	30			C07035		8
58	C07037	Đồ án kỹ thuật thi công	2	10	40		C07035		9
59	C07038	Tổ chức thi công	3	45			C07035 C07036		9
60	C07039	Đồ án tổ chức thi công	2	10	40		C07038		11
61	C07041	Phương pháp số trong cơ học	2	30			C07007		9
62	C07042	Dự toán	2	30			C07024 C07026 C07035 C07036		10
63	C07043	Quản lý dự án	2	30			C07035 C07036 C07024 C07038		10
64	C07044	Tin học ngành xây dựng	3	10	70		C07026 C07029		10
65	C07045	Công trình trên nền đất yếu	3	45			C07033 C07010		9
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			12						
66	C07046	Chuyên đề kết cấu thép	2	30			C07028 C07029		11
67	C07047	Chuyên đề kết cấu bê tông cốt thép	2	30			C07026		11
68	C07050	Chuyên đề kết cấu Nền móng	2	30			C07033		10
69	C07053	Chuyên đề tổ chức thi công	2	30			C07038		11
70	C07056	Chuyên đề vật liệu mới	2	30			C07008		9
71	C07058	Chuyên đề kết cấu nhà cao tầng	2	30			C07026		11
72	C07061	Chuyên đề an toàn lao động	2	30			C07035		8
73	C07062	BIM trong xây dựng	2	10	40		C07044		11
IV. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			15						
74	C07108	Khởi nghiệp xây dựng	2	30					11
75	C07055	Thực tế công trình	2	30			C07035		11
76	C07109	Kỹ năng tìm kiếm việc làm xây dựng	2	30					10
77	C07791	Thực tập cơ sở	3		90		C07035 C07036		12
78	C07698	Thực tập tốt nghiệp	6	5	170				12
V. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			10						
5.1. Đồ án tốt nghiệp									
79	C07280	Đồ án tốt nghiệp	10		300				13
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp									
80	C07281	Đồ án Xây dựng	6						13
81	C07282	Thực hành thiết kế công trình	4						13
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			164						
Tổng số tín chỉ tích lũy:			150						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			122						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			28						